



Chương 6

CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Giới thiệu chung

**Cán cân thanh toán
quốc tế (BoP)**

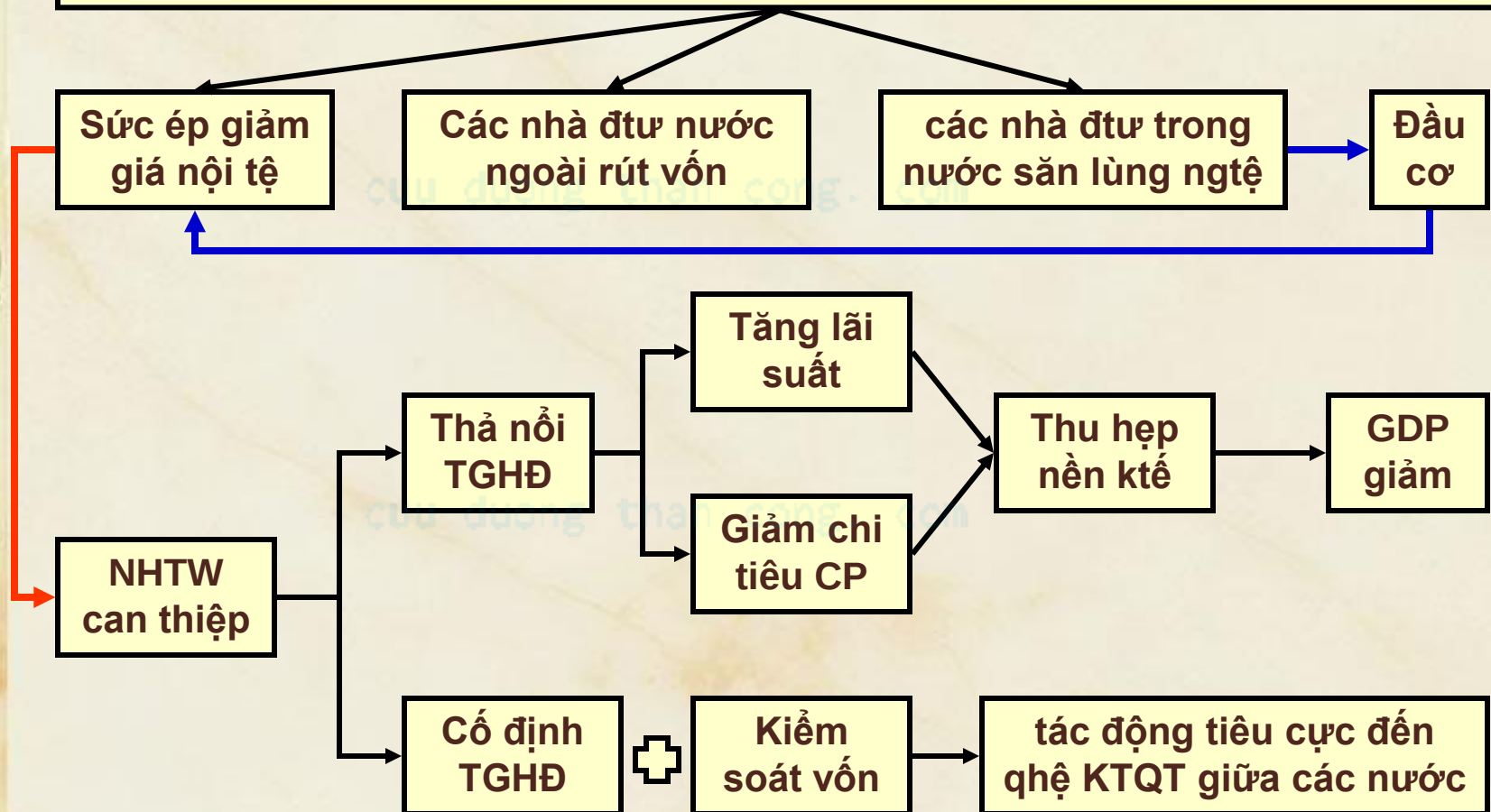
**Chỉ số kt vĩ mô qtrọng đối với các nhà
hoạch định cs kt trong một nền kt mở**

Được theo dõi chặt chẽ

Có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế

Giới thiệu chung

Ví dụ: đầu năm 1990, BoP của Thái Lan liên tục thâm hụt ($BoP < 0$)
năm 1995: 8.1% GDP
năm 1996: 8.2% GDP





Giới thiệu chung

- ✓ khái niệm cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế
- ✓ cơ cấu và ý nghĩa của các tài khoản
- ✓ mối qhệ giữa BoP với các chỉ số kinh tế vĩ mô
 - tiết kiệm
 - đầu tư
 - thu nhập quốc dân
 - thâm hụt ngân sách.

Khái niệm cơ bản về BoP

sự trao đổi tự nguyện quyền sở hữu
H hoặc dịch vụ hoặc tài sản tài chính

BoP: bảng thống kê tất cả những giao dịch kinh tế giữa những người cư trú của một nước với những người cư trú của các nước khác (những người không cư trú) trong một thời kỳ nhất định, thường là một năm

những thể nhân hoặc pháp nhân, cư trú ở quốc gia đang được xem xét nhiều hơn 1 năm, không phụ thuộc vào quốc tịch của họ.

Lưu ý: các nhà ngoại giao, các chuyên gia quân sự ở bên ngoài lãnh thổ của họ cũng như các tổ chức quốc tế không phải là người cư trú của nước, nơi mà họ đang làm việc.

Quà tặng và những di chuyển đơn phương khác (đối với những giao dịch không đòi hỏi thanh toán) cũng được đưa vào BoP

Khái niệm cơ bản về BoP

Theo Pháp lệnh Ngoại hối của Việt Nam

Người cư trú là tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng sau đây:

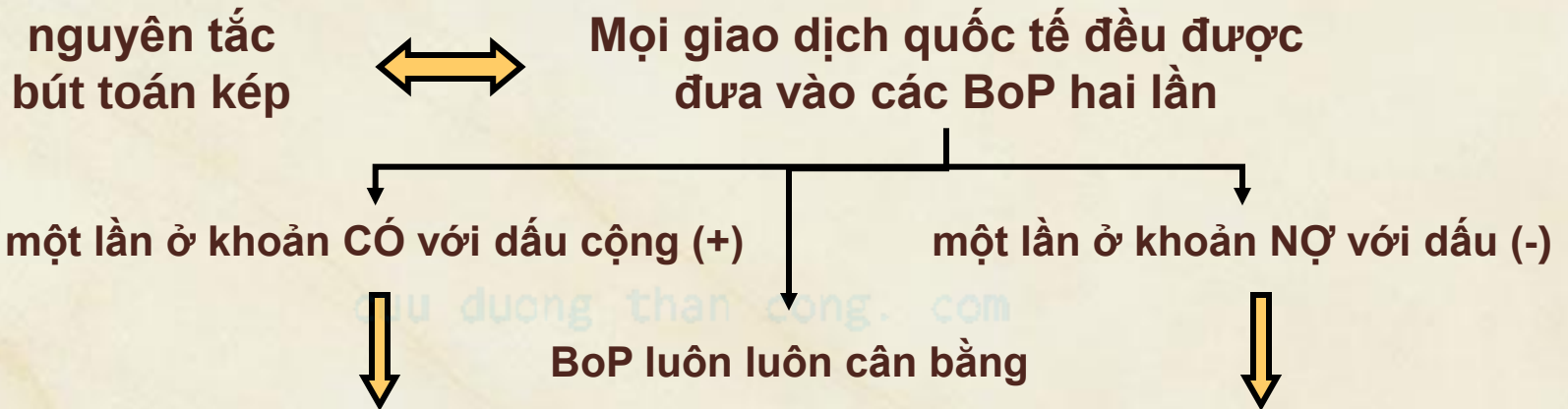
- a) Tổ chức tín dụng được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam
- b) Tổ chức kinh tế được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam trừ đối tượng quy định tại điểm a khoản này
- c) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam;
- d) Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam tại nước ngoài;

Khái niệm cơ bản về BoP

- đ) Văn phòng đại diện tại nước ngoài của các tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
- e) Công dân Việt Nam cư trú tại Việt Nam; công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài có thời hạn dưới 12 tháng; công dân Việt Nam làm việc tại các tổ chức quy định tại điểm d và điểm đ khoản này và cá nhân đi theo họ;
- g) Công dân Việt Nam đi du lịch, học tập, chữa bệnh và thăm viếng ở nước ngoài;
- h) Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam có thời hạn từ 12 tháng trở lên, trừ các trường hợp người nước ngoài học tập, chữa bệnh, du lịch hoặc làm việc cho cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự, văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam

Người không cư trú là các đối tượng không quy định tại điều trên

Nguyên tắc bút toán của BoP



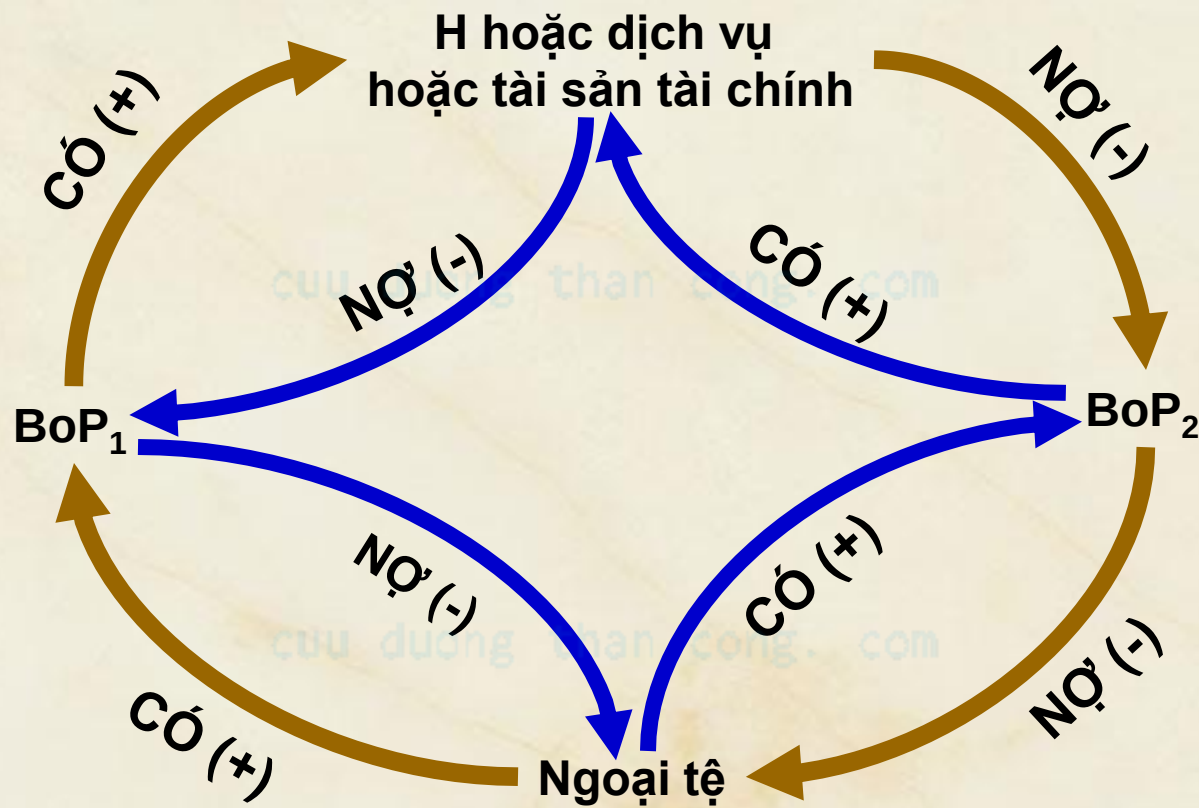
- bao gồm các giao dịch mà kquả của chúng là những khoản ngtệ nhận được do những người ko cư trú thanh toán cho

- là sự chảy ra của dòng H hoặc dịch vụ hoặc tài sản tài chính đồng thời với sự chảy vào của dòng ngtệ

- bao gồm các giao dịch mà kquả của chúng là những khoản ngtệ phải thanh toán cho những người ko cư trú

- là sự chảy vào của dòng H hoặc dịch vụ hoặc tài sản tài chính đồng thời với sự chảy ra của dòng ngtệ

Nguyên tắc bút toán của BoP



Cơ cấu BoP



Tài khoản vãng lai - CA

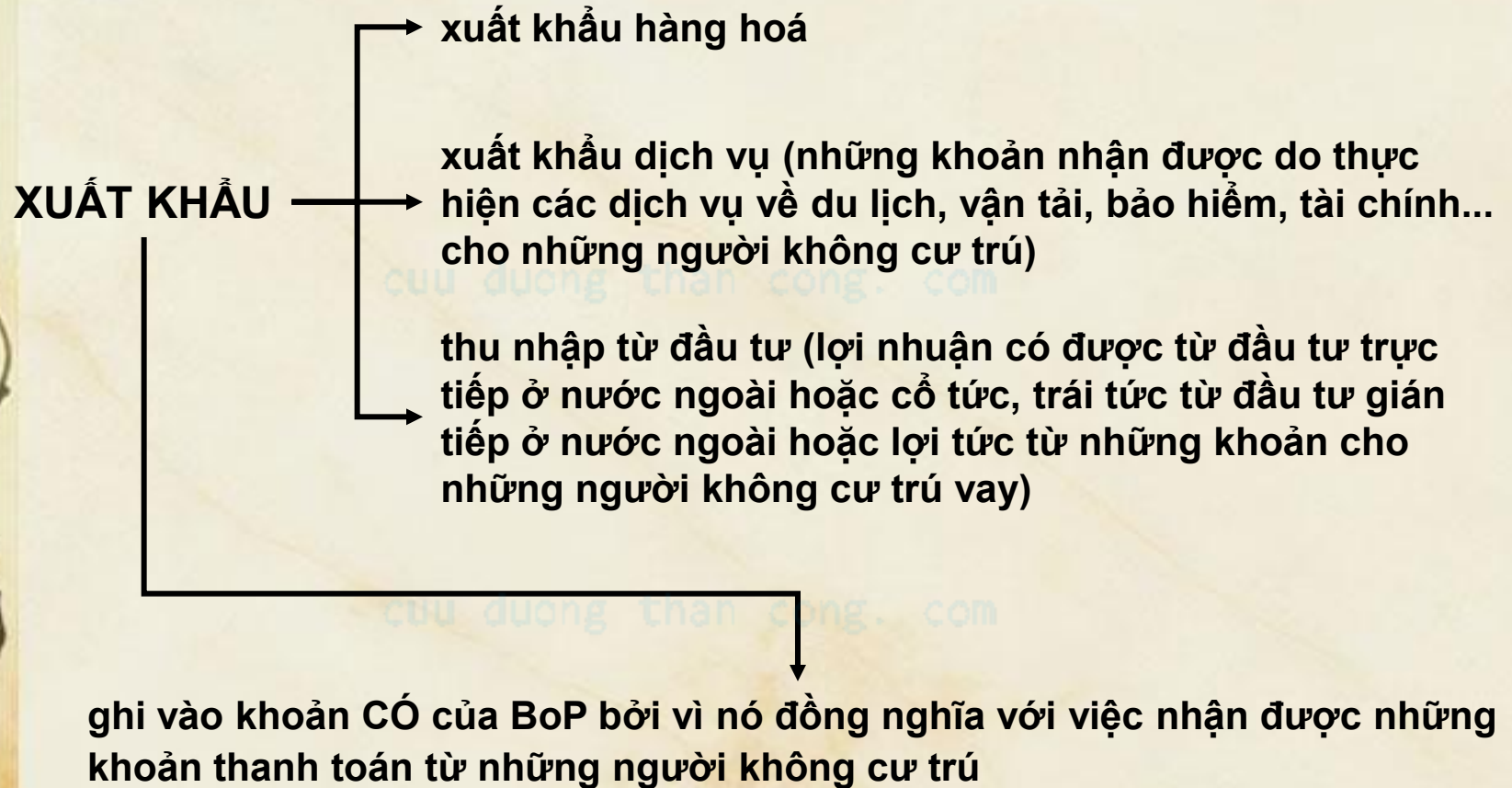
CA: ghi nhận tất cả các giao dịch có liên quan đến việc:

- di chuyển hàng hoá, dịch vụ
 - thu nhập từ đầu tư
 - dịch chuyển đơn phương
- } giữa những người cư trú và những người không cư trú

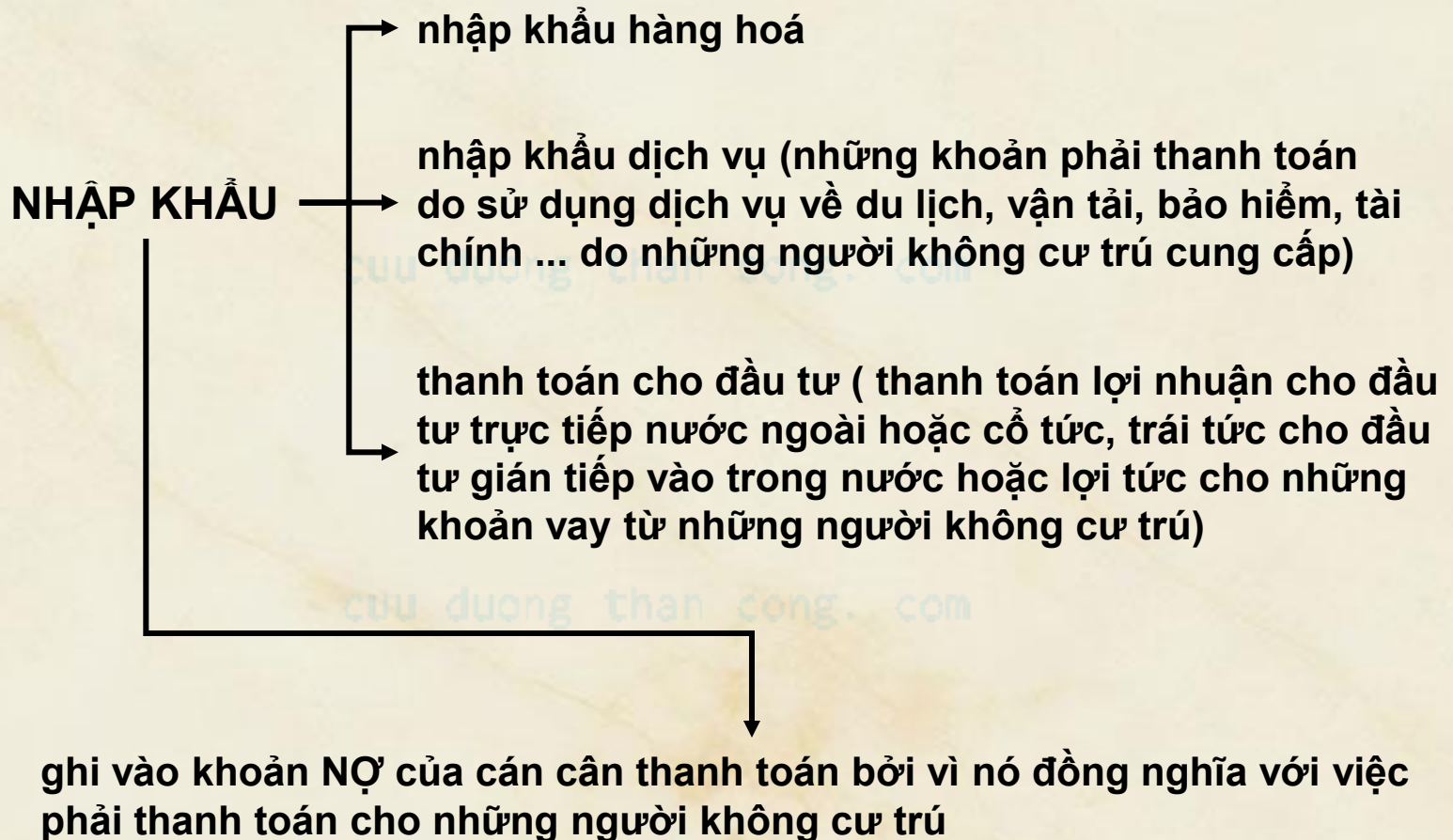
CA bao gồm các hạng mục:

- xuất khẩu
- nhập khẩu
- dịch chuyển đơn phương ròng

Tài khoản vãng lai



Tài khoản vắng lai



Tài khoản vãng lai

xuất khẩu
hàng hoá



nhập khẩu
hàng hoá



cán cân thương mại hữu hình (Visible Balance) hay XK H ròng (Net Export)

Xuất khẩu
dịch vụ



Nhập khẩu
dịch vụ



thu nhập từ đầu tư ròng
(thu nhập từ đtư - thu nhập toán cho đtư)



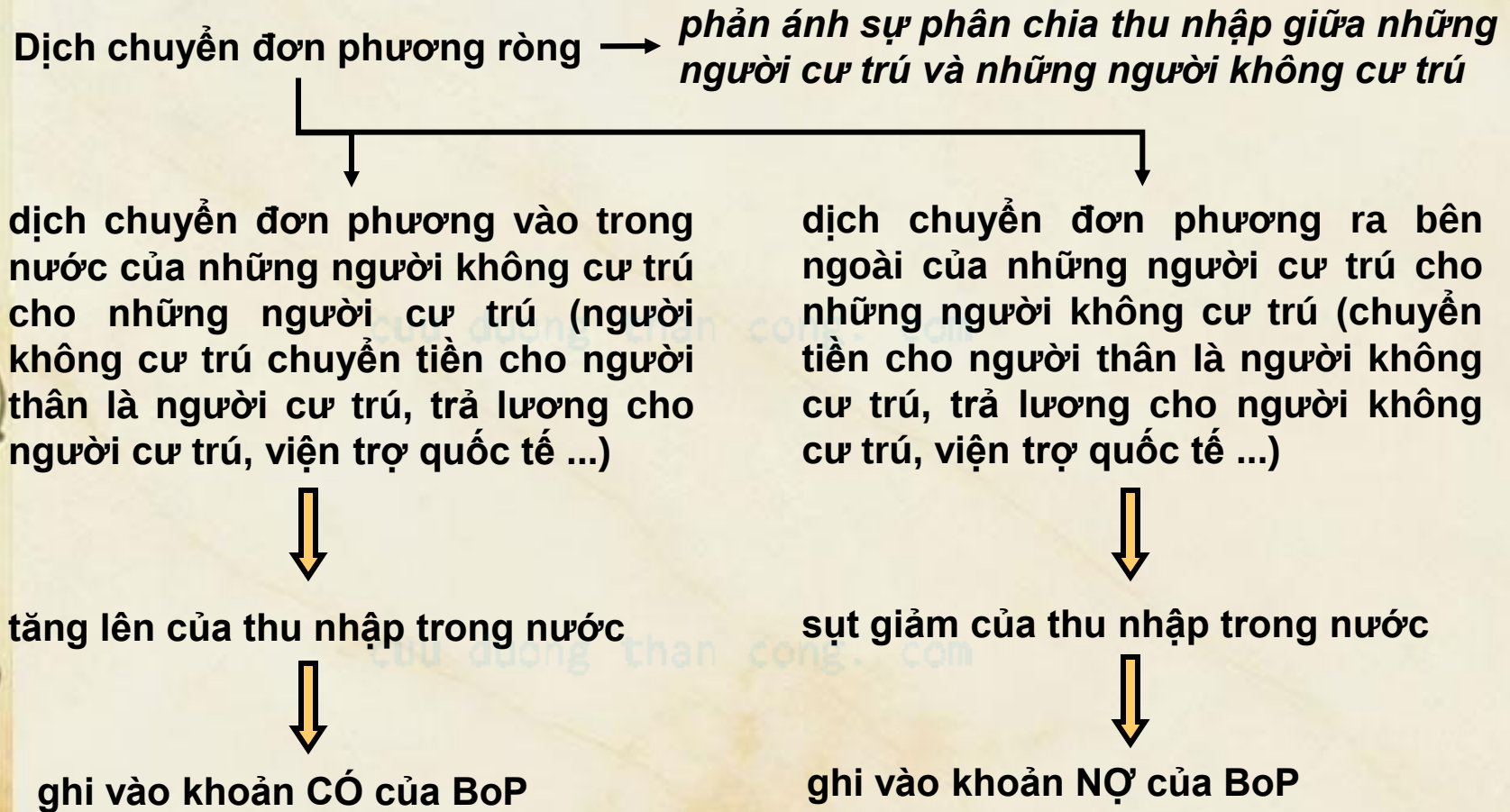
cán cân thương mại vô hình (Invisible Balance)

cán cân thương mại

$> 0 \Rightarrow$ thặng dư cán cân thương mại

$< 0 \Rightarrow$ thâm hụt cán cân thương mại

Tài khoản vãng lai



Tài khoản vãng lai

CA: biểu thị dòng thu nhập của một nước

thu nhập từ XK H, dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ sd vốn) và dịch chuyển đơn phương vào trong nước > những khoản phải thanh toán cho NK H, dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ sd vốn) và dịch chuyển đơn phương ra nước ngoài

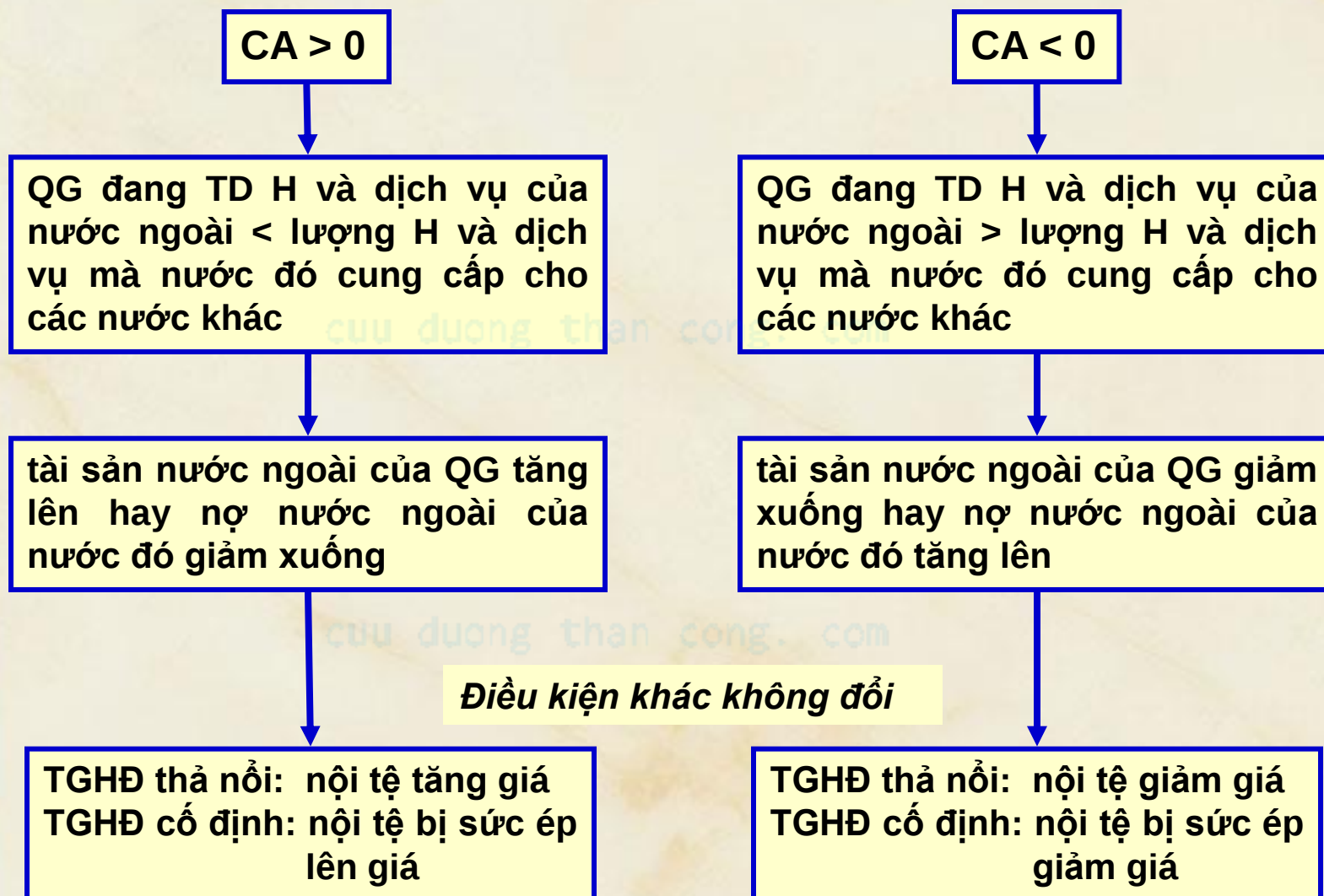
thặng dư tài khoản vãng lai
 $CA > 0$

thu nhập từ XK H, dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ sd vốn) và dịch chuyển đơn phương vào trong nước < những khoản phải thanh toán cho NK H, dịch vụ (bao gồm cả dịch vụ sd vốn) và dịch chuyển đơn phương ra nước ngoài

thâm hụt tài khoản vãng lai
 $CA < 0$

Nguyên tắc bút toán của cán cân thanh toán cho thấy, thặng dư hay thâm hụt của CA sẽ được cân bằng bởi thâm hụt hay thặng dư của KA.

Tài khoản vãng lai – Ý nghĩa



Tài khoản vốn - KA

Ghi nhận tất cả các giao dịch có liên quan đến sự di chuyển vốn giữa những người cư trú và không cư trú.

Dòng vốn chảy vào trong nước
(Capital Inflow)

Dòng vốn chảy ra nước ngoài
(Capital Outflow)

FDI

FPI

Vay

bất động sản

Người nước ngoài mua

Mua ở nước ngoài

Tài khoản vốn - KA



Tài khoản vốn - KA

Theo tính chất,
dòng vốn có thể là:

ngắn hạn (với thời hạn dưới 12 tháng)

dài hạn (với thời hạn ít nhất là 12 tháng)

Theo nguồn gốc, dòng vốn
có thể được bắt nguồn từ:

khu vực tư nhân

khu vực chính quyền

liên quan đến việc mua bán tài sản dự trữ chính thức của NHTW



Cán cân thanh toán

Do mỗi một giao dịch quốc tế đều tự động làm tăng hai khoản bù trừ nhau trong cán cân thanh toán nên tổng của tài khoản vãng lai và tài khoản vốn sẽ bằng không.

Tuy nhiên, vì những lý do khác nhau, trên thực tế điều này đã không xảy ra.

→ để cân bằng cán cân thanh toán người ta đã đưa ra một khoản mục, thường nằm trong tài khoản vốn. Đó là những sai số, bỏ sót và không chính xác trong thống kê.



Những sai số, bỏ sót và không chính xác trong thống kê

Hạng mục này luôn tồn tại trong BoP do:

Thứ nhất, trên thực tế, không thể ghi nhận được tất cả các giao dịch kinh tế giữa những người cư trú và không cư trú do tồn tại những giao dịch bất hợp pháp như buôn lậu, rửa tiền...

Thứ hai, số liệu về cán cân thanh toán được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau: các số liệu về xuất nhập khẩu được thu thập từ hải quan, trong khi đó, các số liệu về di chuyển vốn lại được thu thập từ hệ thống ngân hàng... do đó khó có thể tránh khỏi sai sót.

Thứ ba, để trốn thuế, nhiều giao dịch trong tài khoản vốn bị đánh giá thấp hơn giá trị thực của nó. Tương tự như vậy, nhiều công ty thường hạ thấp giá trị xuất nhập khẩu trong hoá đơn hàng hoá để tăng lợi nhuận.

Hạng mục này còn bao gồm cả những giao dịch không tiện kể ra trên phương diện quốc gia. Đó là những giao dịch có liên quan đến những chi tiêu của khu vực chính quyền, chẳng hạn, chi tiêu cho các hoạt động bí mật vì mục đích quân sự, chính trị, tình báo...

BoP của Mỹ năm 2001 (tỷ USD)

	Có	Nợ
TÀI KHOẢN VĨNG LAI		
<i>1. Xuất khẩu</i>	1,281,793	
<i>2. Nhập khẩu</i>		-1.625,701
<i>3. Dịch chuyển đơn phương ròng</i>		-49,463
Cán cân tài khoản vãng lai (1+2+3)		-393,371
TÀI KHOẢN VỐN		
<i>4. Tài sản của Mỹ ở nước ngoài (tăng lên -) (dòng vốn chảy ra)</i>		-370,962
<i>5. Tài sản nước ngoài ở Mỹ (tăng lên +) (Dòng vốn chảy vào)</i>	753,632	
Cán cân tài khoản vốn (4+5)	+382,67	
Sai số, bỏ sót và không chính xác trong thống kê (tổng từ 1-5 với dấu ngược lại)	10,701	

BoP của Mỹ năm 2001 (tỷ USD)

	Có	Nợ
TÀI KHOẢN VĨNG LẠI		
1. Xuất khẩu	1,281,793	
Trong đó:		
Hàng hoá	718,762	
Dịch vụ	279,260	
Thu nhập từ đầu tư	283,771	
2. Nhập khẩu		-1.625,701
Trong đó:		
Hàng hoá		-1.145,927
Dịch vụ		-210,385
Thanh toán cho đầu tư		-269,389
3. Dịch chuyển đơn phương ròng		-49,463
Cán cân tài khoản vãng lai (1+2+3)		-393,371

BoP của Mỹ năm 2001 (tỷ USD)

	Có	Nợ
TÀI KHOẢN VỐN		
4. Tài sản của Mỹ ở nước ngoài (tăng lên -) (dòng vốn chảy ra)		-370,962
Trong đó:		
Dự trữ chính thức		-4,911
Các tài sản khác		-366,051
5. Tài sản nước ngoài ở Mỹ (tăng lên +) (Dòng vốn chảy vào)	753,632	
Trong đó:		
Dự trữ chính thức	5,224	
Các tài sản khác	748,408	
Cán cân tài khoản vốn (4+5)	+382,67	
Sai số, bỏ sót và không chính xác trong thống kê (tổng từ 1-5 với dấu ngược lại)	10,701	

Cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam, 2001-2005

Đơn vị tính: tr USD

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005
Cán cân vãng lai	682	-604	-1878	-926	130
Cán cân TM hàng hóa	481	-1054	-2528	-2256	-897
Cán cân TM dịch vụ	-572	-750	-778	-872	-845
Chuyển tiền (ròng)	1250	1921	2239	3093	3175
Cán cân vốn	220	1980	3305	2573	3179
FDI	1300	1400	1450	1610	1850
Đầu tư gián tiếp	0	0	0	0	750
Sai số	-862	-1019	724	-764	-1409
Cán cân thanh toán	40	357	2151	883	1900

Chú thích: Số liệu năm 2005 là ước tính. Thương mại H tính theo giá FOB
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam, 2001-2005

- 
- ✓ Năm 2005, BoP của VN thặng dư ước khoảng 1900tr\$ → tăng cường dự trữ quốc tế
 - ✓ Năm 2005, thâm hụt cán cân thu nhập từ đầu tư lên tới 1081tr\$ song CA thặng dư 130tr\$ ($\approx 0.25\% \text{GDP}$) $\neq$ mức thâm hụt khá cao trong năm 2004 ($2.0\% \text{GDP}$).

Nguyên nhân: do thâm hụt cán cân TM giảm (3128tr\$ năm 2004 xuống 1742tr\$ năm 2005) và chuyển tiền ròng có thặng dư cao (chuyển tiền viện trợ đạt 175tr\$ và chuyển tiền của khu vực tư nhân lên tới 3000tr\$).



Cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam, 2001-2005

- ✓ Năm 2005, KA tăng đáng kể, đạt 3179tr\$ trong đó luồng vốn FDI chiếm tỷ trọng lớn, đạt 1850tr\$.
- ✓ Năm 2005, VN phát hành trái phiếu Cp ra thị trường quốc tế với trị giá 750tr\$ → góp phần giảm bớt áp lực đáp ứng chi ngoại tệ từ hệ thống ngân hàng. Ước tính lượng ngoại tệ đầu tư ra nước ngoài dưới dạng tiền gửi của các NHTM là 450tr\$.

Cán cân quyết toán chính thức

Cán cân quyết toán chính thức ghi nhận những giao dịch có liên quan đến hoạt động can thiệp của NHTW vào FX

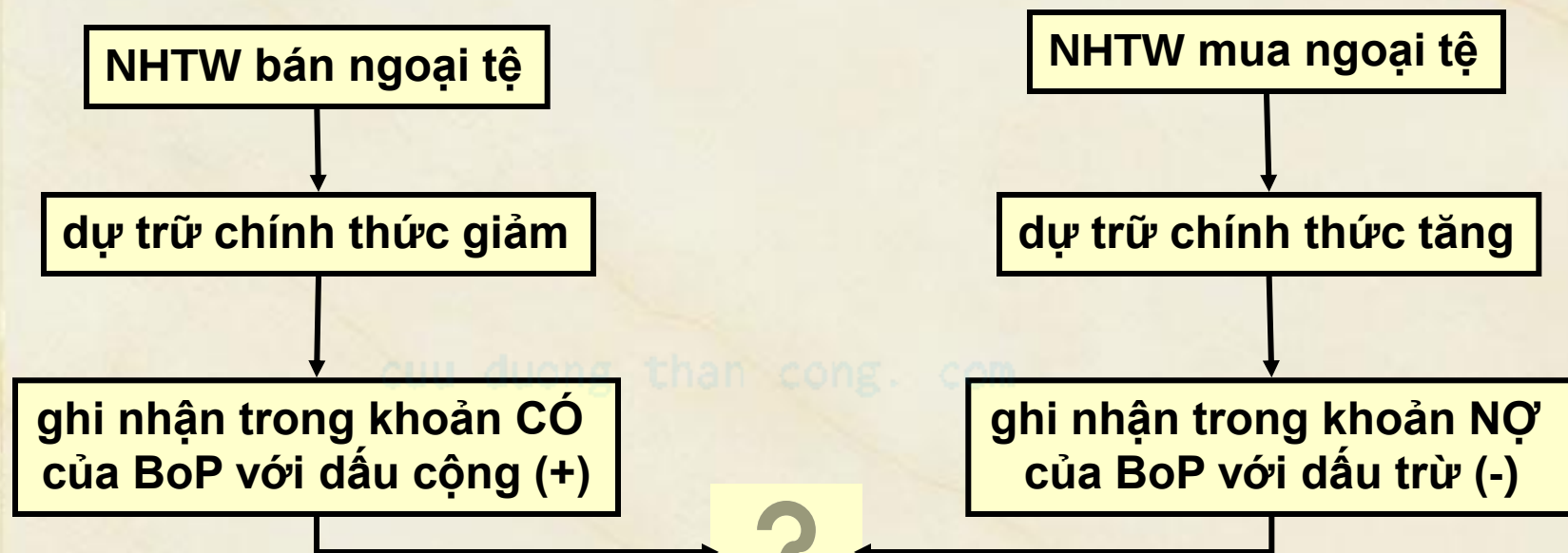
NHTW sử dụng lượng dự trữ chính thức dưới dạng vàng, ngoại tệ, SDRs, dự trữ ở IMF hoặc vay nợ từ bên ngoài

Ví dụ, dưới chế độ TGHĐ cố định:

$CA + KA + \text{sai số} \dots < 0 \rightarrow$ sức ép giảm giá nội tệ xuất hiện
 $\rightarrow$ NHTW sẽ phải bán ngoại tệ để duy trì sự ổn định của TGHĐ

$CA + KA + \text{sai số} \dots > 0 \rightarrow$ sức ép tăng giá nội tệ xuất hiện
 $\rightarrow$ NHTW sẽ phải mua ngoại tệ để duy trì sự ổn định của TGHĐ

Cán cân quyết toán chính thức



Dự trữ chính thức giảm khi NHTW bán ngoại tệ do nội tệ giảm giá → vào thời điểm đó, các tài khoản khác của BoP đang thâm hụt → sự tăng lên của dự trữ chính thức cần phải được ghi vào khoản có để đảm bảo cho sự cân bằng liên tục của BoP.

Dự trữ chính thức tăng khi NHTW mua ngoại tệ do nội tệ lên giá → vào thời điểm đó, các tài khoản khác của BoP đang thặng dư → sự tăng lên của dự trữ chính thức cần phải được ghi vào khoản nợ để đảm bảo cho sự cân bằng liên tục của BoP.

Cán cân quyết toán chính thức của Mỹ năm 2001(tỷ USD)

	Có	Nợ
TÀI KHOẢN VĂNG LAI		
<i>1. Xuất khẩu</i>	1,281,793	
<i>2. Nhập khẩu</i>		-1.625,701
<i>3. Dịch chuyển đơn phương ròng</i>		-49,463
<i>4. Cán cân tài khoản vãng lai (1+2+3)</i>		-393,371
TÀI KHOẢN VỐN KHÔNG PHẢI LÀ DỰ TRỮ		
<i>5. Tài sản của Mỹ ở nước ngoài (tăng lên -) (trừ dự trữ chính thức) (dòng vốn chảy ra)</i>		-366,051
<i>6. Tài sản nước ngoài ở Mỹ (tăng lên +) (trừ dự trữ chính thức) (Dòng vốn chảy vào)</i>	748408	
<i>7. Cán cân tài khoản vốn không phải là dự trữ (5+6)</i>	382,357	
<i>8. Sai số, bỏ sót và không chính xác trong thống kê</i>	10,701	
<i>9. Cán cân quyết toán chính thức (4+7+8)</i>		-0,313

Cán cân quyết toán chính thức của Mỹ năm 2001(tỷ USD)

9. Cán cân quyết toán chính thức (4+7+8)		-0,313
CÁC GIAO DỊCH DỰ TRỮ CHÍNH THỨC		
10. Tài sản dự trữ chính thức của Mỹ ở nước ngoài (tăng -)		-4,911
Vàng		-
SDRs		-630
Dự trữ tại IMF		-3,600
Ngoại tệ		-681
11. Tài sản chính thức nước ngoài ở Mỹ (tăng +)	5,224	
Chứng khoán chính phủ Mỹ	31,665	
Các tài sản nợ khác của chính phủ Mỹ		-1,882
Các tài sản nợ khác được báo cáo bởi các ngân hàng của Mỹ		-30,278
Các khoản khác	5,719	
12. Cán cân giao dịch dự trữ chính thức (10+11)	+0,313	

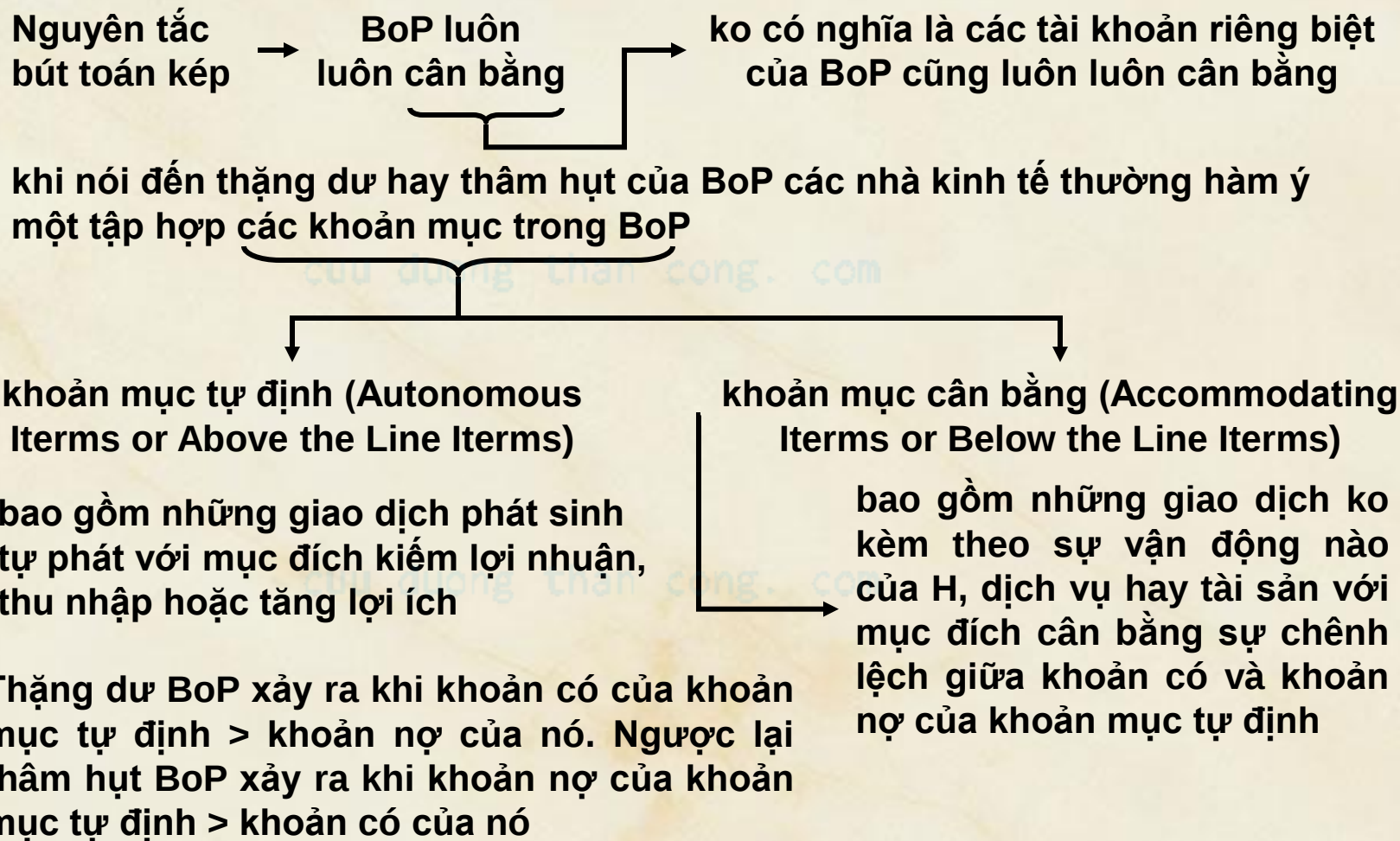


Cán cân quyết toán chính thức

Dưới chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi, dự trữ chính thức sẽ không thay đổi. Bởi vì sự thay đổi của tỷ giá hối đoái sẽ khiến cho các giao dịch tự điều chỉnh và cán cân thanh toán sẽ luôn đạt được mức cân bằng.

Tuy nhiên, trên thực tế, dưới chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý, hầu hết các ngân hàng Trung ương đều can thiệp vào thị trường ngoại hối do đó dự trữ chính thức cũng vẫn thường xuyên thay đổi.

Các quan niệm khác nhau về thặng dư và thâm hụt của BoP



Các quan niệm khác nhau về thặng dư và thâm hụt của BoP



→ khoản mục tự định

← khoản mục cân bằng

rất khó xác định động cơ của nhiều giao dịch

dòng vốn ngắn hạn

↓
chảy vào trong nước do lãi suất trong nước cao hơn so với lãi suất thế giới

↓
chảy vào trong nước với mục đích tài trợ cho việc NK H và dịch vụ

Cán cân thương mại và CA (Trade Balance and Current Account Balance)

được coi là khoản mục tự định và trạng thái của cán cân này chính là trạng thái của BoP

Tài khoản vãng lai

CA > 0

QG đang tiêu dùng H và dịch vụ của nước ngoài ít hơn so với lượng H và dịch vụ mà nước đó cung cấp cho các nước khác

tài sản nước ngoài của QG tăng lên hay nợ nước ngoài của nước đó giảm xuống

CA < 0

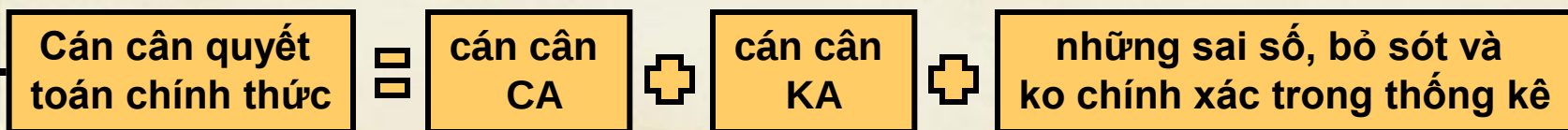
QG đang tiêu dùng H và dịch vụ của nước ngoài nhiều hơn so với lượng H và dịch vụ mà nước đó cung cấp cho các nước khác

tài sản nước ngoài của QG giảm xuống hay nợ nước ngoài của nước đó tăng lên

Cán cân cơ bản (The Basic Balance)



Cán cân quyết toán chính thức (The Settlement Balance)

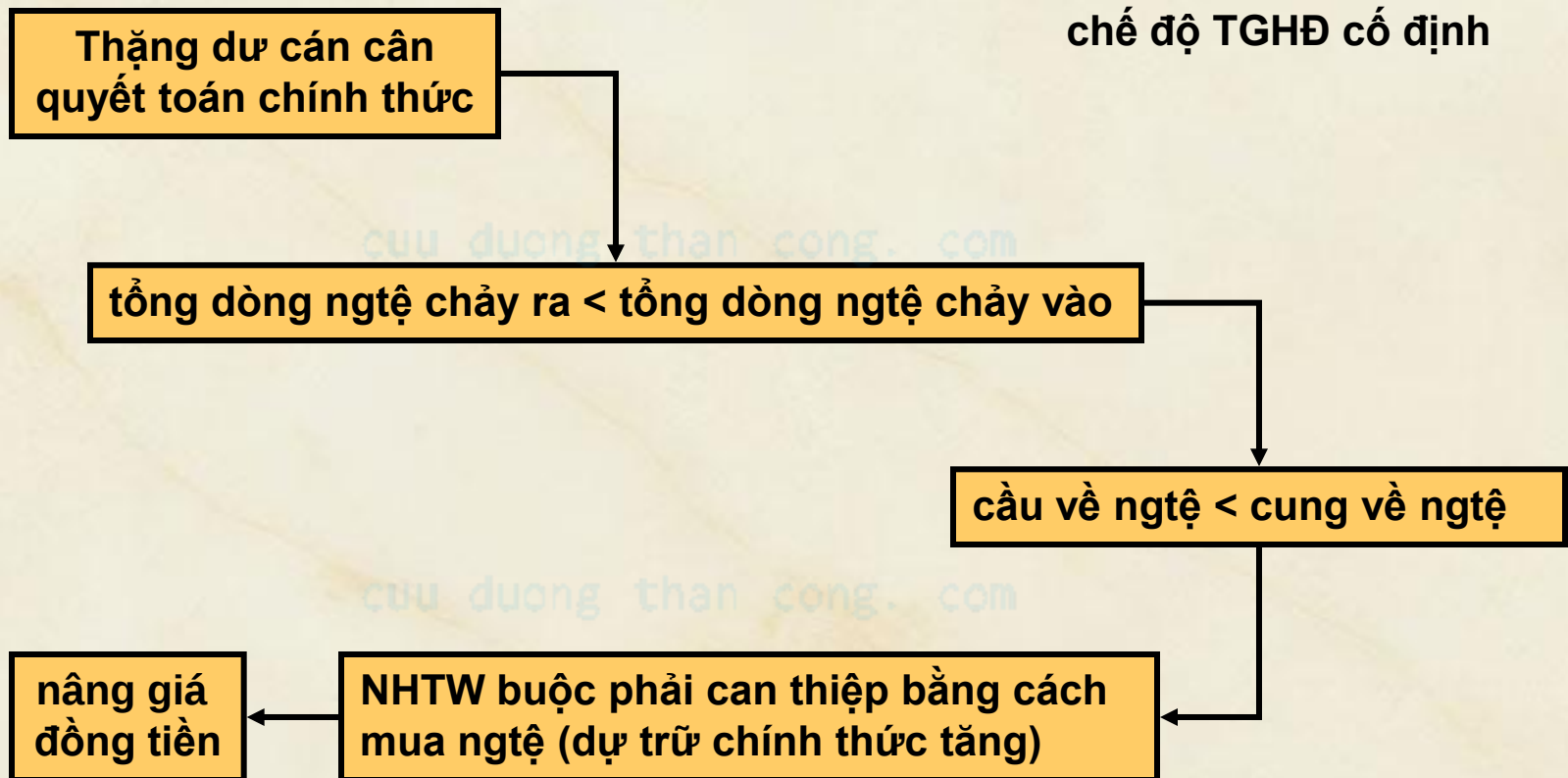


→ khoản mục tự định

⇒ Những thay đổi trong dự trữ chính thức là khoản mục cân bằng

Đây là quan niệm đặc biệt hữu ích dưới chế độ TGHĐ cố định. Bởi vì trạng thái của cán cân này thể hiện sức ép phá giá hay nâng giá đồng tiền đối với NHTW

Cán cân quyết toán chính thức (The Settlement Balance)





Cán cân quyết toán chính thức (The Settlement Balance)

Dưới chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi thuần túy, cán cân quyết toán chính thức ít có ý nghĩa bởi vì tỷ giá hối đoái sẽ thay đổi và các khoản mục trong cán cân thanh toán sẽ tự cân bằng mà không cần phải có sự thay đổi của dự trữ chính thức.

Tuy nhiên, trên thực tế, dưới chế độ tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý, các nước đều can thiệp vào thị trường ngoại hối → dự trữ vẫn thường xuyên thay đổi.

Nói cách khác, quan niệm về cán cân quyết toán chính thức vẫn là một quan niệm hữu ích và các nhà kinh tế, đầu tư cũng như hoạch định chính sách vẫn theo dõi cẩn thận những thay đổi trong dự trữ chính thức.

Cán cân thanh toán

Cán cân thương mại



Xuất khẩu hàng hóa



Nhập khẩu hàng hóa

Cán cân tài khoản vãng lai



Dịch chuyển đơn phương ròng



Cán cân TM hữu hình



Cán cân TM vô hình

Cán cân cơ bản



Cán cân tài khoản vãng lai



dòng vốn dài hạn ròng

Cán cân quyết toán chính thức



Cán cân tài khoản vãng lai



cán cân tài khoản vốn



những sai số, bỏ sót và...



Tài khoản vãng lai và các chỉ số kinh tế vĩ mô khác của nền kinh tế

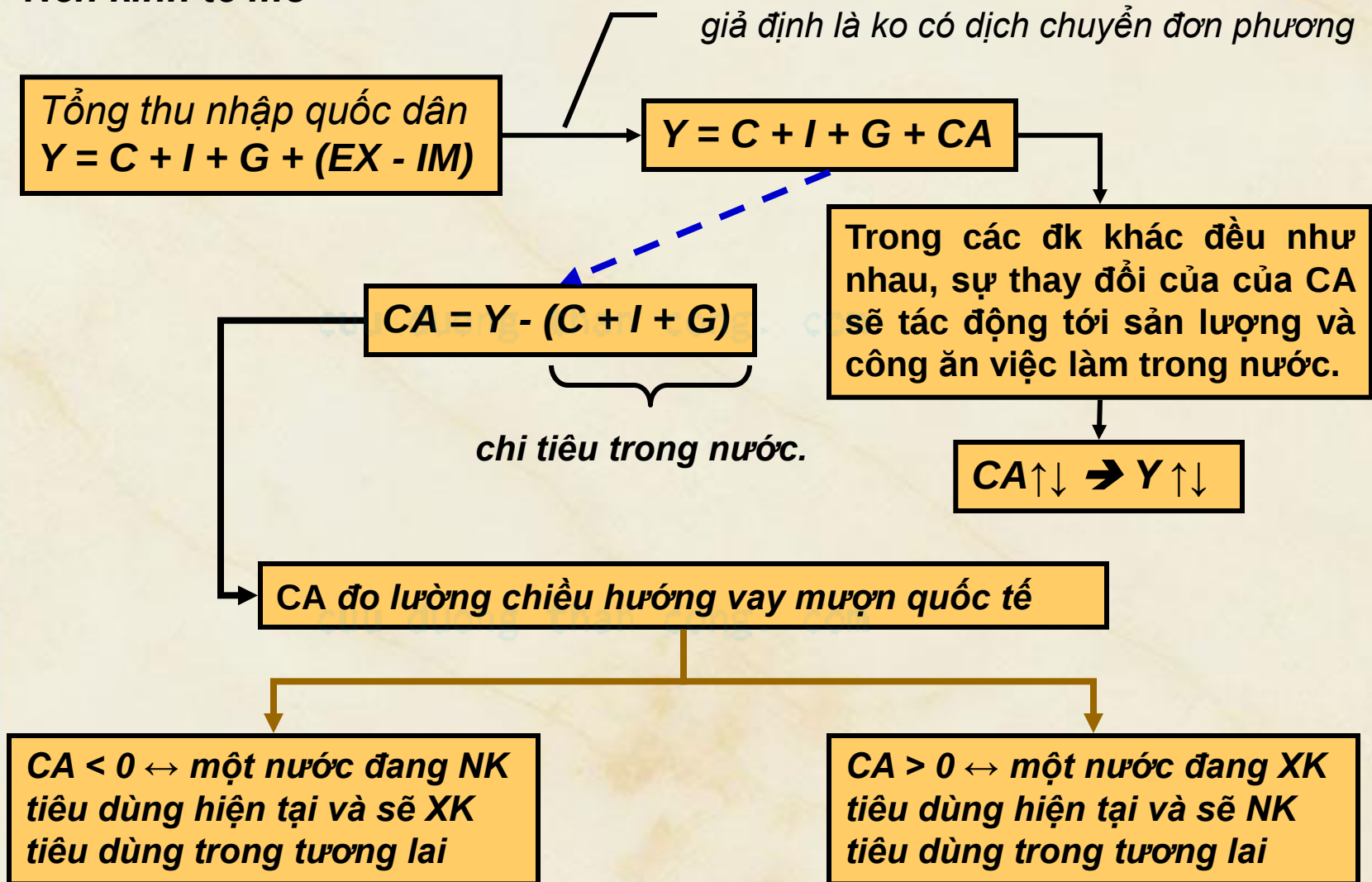
Thu nhập quốc dân và tài khoản vãng lai

Tiết kiệm và tài khoản vãng lai

Tiết kiệm tư nhân, tiết kiệm chính phủ và tài khoản vãng lai

Thu nhập quốc dân và CA

Nền kinh tế mở



Tiết kiệm và tài khoản vãng lai

$$Y = C + I + G + CA$$

$$Y - C - G = I + CA$$

$$S = I + CA$$

Trong một nền kinh tế mở, tiết kiệm không nhất thiết phải bằng đầu tư

$$S < I$$

vay mượn từ bên ngoài

tài khoản vãng lai sẽ thâm hụt

$$CA < 0$$

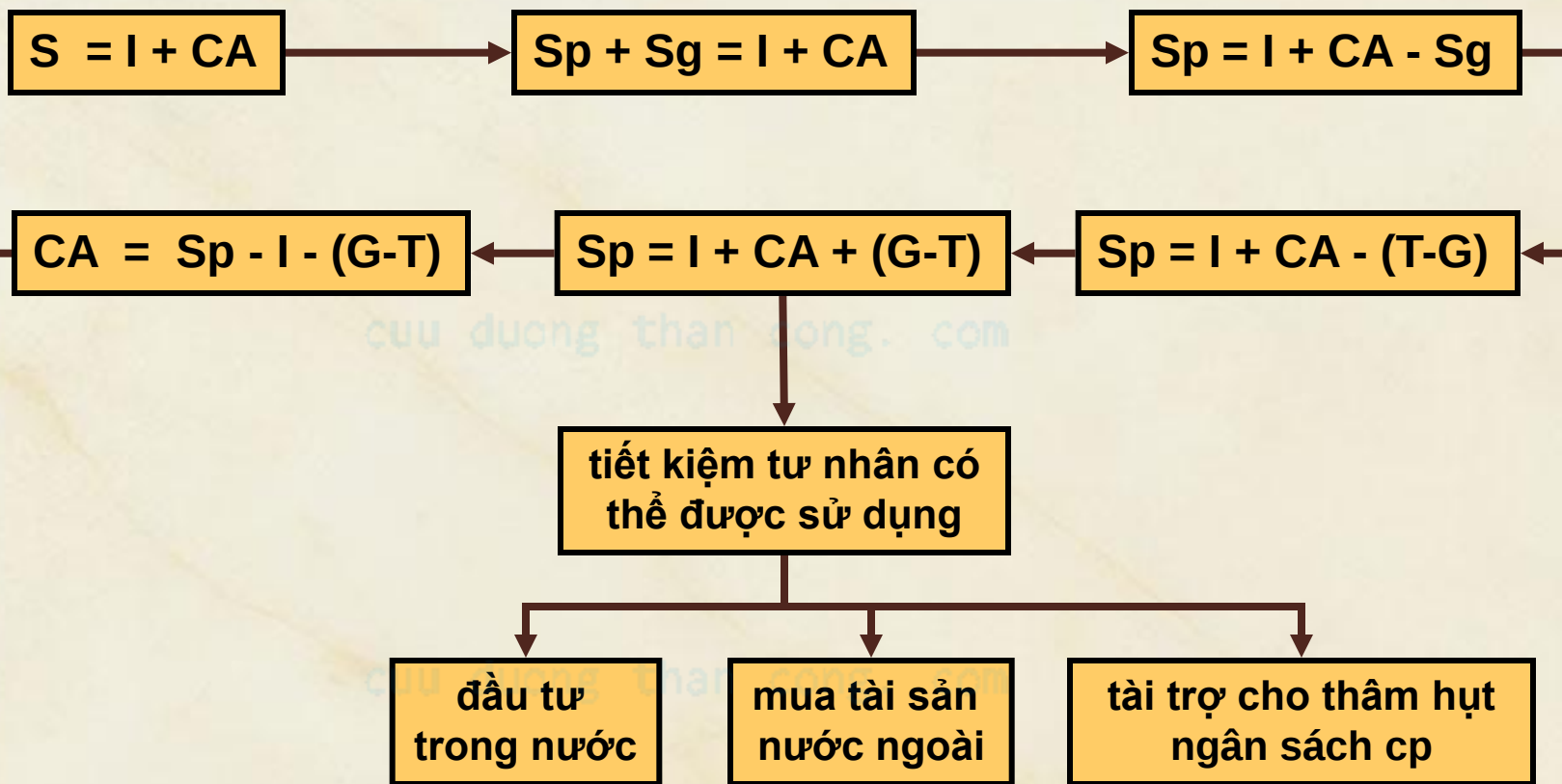
$$S > I$$

cho nước ngoài vay

tài khoản vãng lai sẽ thặng dư

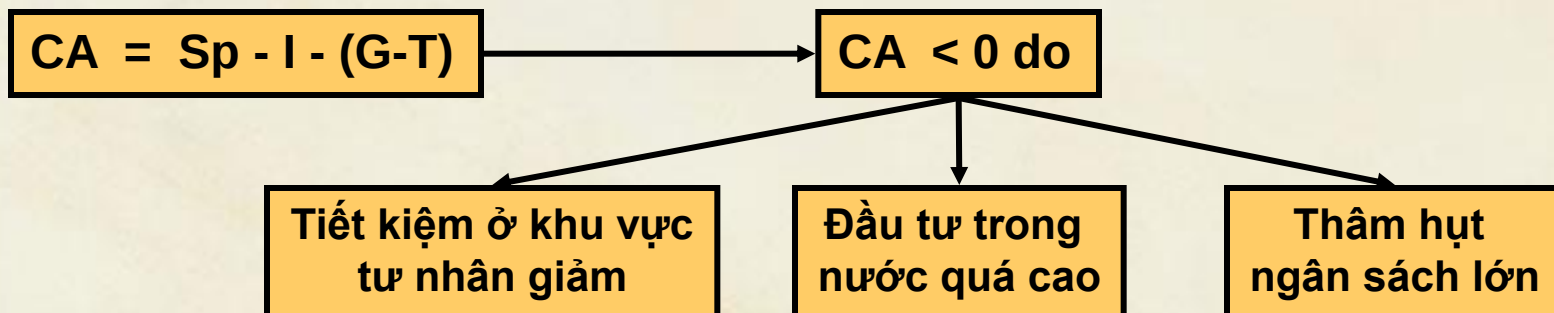
$$CA > 0$$

Tiết kiệm tư nhân, tiết kiệm chính phủ và tài khoản vãng lai



các điều kiện khác đều như nhau, CA sẽ phụ thuộc vào sự thay đổi của tiết kiệm tư nhân, đầu tư trong nước và chi tiêu của chính phủ.

Tiết kiệm tư nhân, tiết kiệm chính phủ và tài khoản vãng lai



Ví dụ:

✓ 1994 - 1995, Mexico: $Sp \downarrow + (G - T) \uparrow \rightarrow CA \downarrow \rightarrow$ phá giá đồng Peso

✓ 1997, Đông Á: - Sp quá cao (30 – 35% GDP)

- I quá mức nhưng lại không hiệu quả (đầu tư vào bất động sản và thị trường chứng khoán)

- $(G - T)$: có nước thâm hụt lớn, có nước có thặng dư

$\rightarrow CA$ bị thâm hụt lớn $\rightarrow$ khủng hoảng tài chính ở các nước Đông Á



Những biện pháp cơ bản điều tiết sự thâm hụt BoP

Chính sách tiền tệ và tài chính thắt chặt

Chính sách tỷ giá

Chính sách thu hút đầu tư và vay nợ nước ngoài

Chính sách kiểm soát ngoại thương và ngoại hối

Chính sách tiền tệ và tài chính thắt chặt

Chính sách tiền tệ thắt chặt

Chính sách tài chính thắt chặt

lãi suất gia tăng

hạn chế chi tiêu

khuyến khích dòng vốn từ bên ngoài chảy vào

chi tiêu dành cho NK giảm

bù đắp cho thiếu hụt của BoP, tài khoản vãng lai được cải thiện

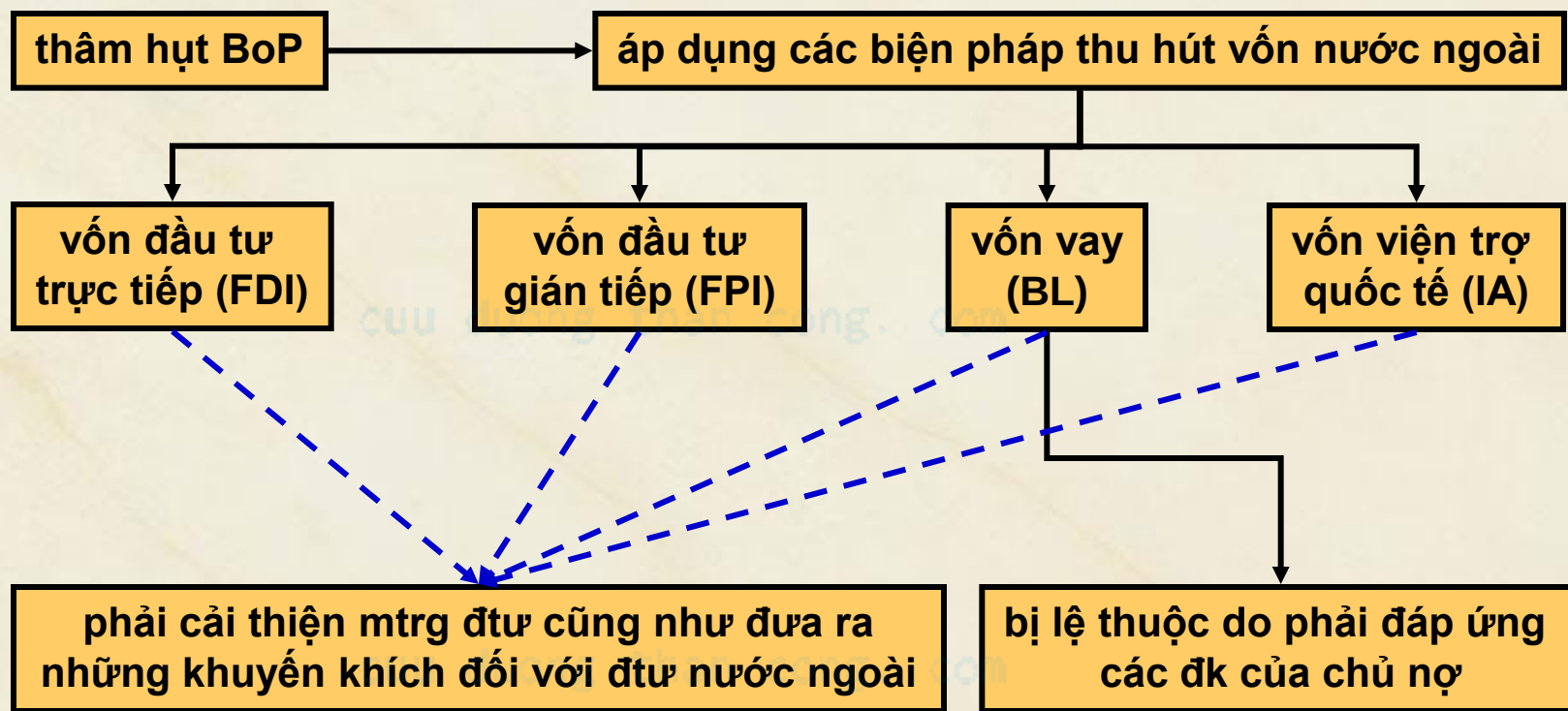
những tác động tiêu cực nhất định tới tăng trưởng và công ăn việc làm

Chính sách tỷ giá



Lưu ý: mức độ tác động của phá giá đối với CA còn phụ thuộc vào một loạt các nhân tố khác như độ nhạy cảm của giá hàng xuất khẩu và nhập khẩu cũng như của tiêu dùng trong nước đối với sự thay đổi của tỷ giá...

Chính sách thu hút đầu tư và vay nợ nước ngoài



Lưu ý: nếu sự thâm hụt của CA chủ yếu được bù đắp bởi vốn vay ngắn hạn hoặc vốn đầu gián tiếp, nguy cơ khủng hoảng BoP rất dễ xảy ra, đặc biệt khi dòng vốn bị đảo ngược dưới tác động của những cú sốc bên trong cũng như bên ngoài.

Chính sách kiểm soát ngoại thương và ngoại hối

Xét trên khía cạnh lý thuyết, chính sách kiểm soát ngoại thương có mục đích khuyến khích XK và hạn chế NK. Tuy nhiên, trên thực tế, chính sách này chủ yếu nhằm vào việc kiểm soát NK thông qua các chính sách như hạn chế khối lượng, hạn chế hoặc cấm đoán mặt hàng NK, thực hiện chế độ cấp phép NK, chế độ thuế quan đánh vào hàng NK...

Chính sách kiểm soát ngoại hối được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như đưa ra các quy định về kết hối buộc các nhà XK phải bán ngoại tệ thu được cho NHTW và các nhà NK phải xin phép NHTW mới được mua ngoại tệ; kiểm soát sự di chuyển của dòng vốn ra hoặc vào trong nước...

Bên cạnh những tác động tích cực, các biện pháp kiểm soát trực tiếp như đã nêu trên thường dẫn đến sự méo mó của thị trường như xuất hiện thị trường chợ đen, buôn lậu, chế độ đa tỷ giá....



BÀI TẬP

1. Hãy giải thích bằng cách nào các giao dịch sau đây được đưa vào cán cân thanh toán của Mỹ (một lần ở khoản có, một lần ở khoản nợ) và ở trong tài khoản nào?

- a. Một người Mỹ mua cổ phiếu của một công ty Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Thụy sĩ.**
- b. Một người Mỹ mua cổ phiếu của một công ty Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Mỹ.**
- c. Một người Mỹ mua xe ô tô của Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Mỹ.**

cuu duong than cong. com

BÀI TẬP 1

a. Một người Mỹ mua cổ phiếu của một công ty Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Thụy sĩ.

Mua cổ phiếu của một cty Đức → nhập khẩu giấy nợ của người Đức → ghi vào khoản **NỢ** của **KA**

Thanh toán từ tài khoản ở một NH Thụy Sĩ → tài sản của Mỹ ở nước ngoài giảm → ghi vào khoản **CÓ** của **KA**

b. Một người Mỹ mua cổ phiếu của một công ty Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Mỹ.

Mua cổ phiếu của một cty Đức → nhập khẩu giấy nợ của người Đức → ghi vào khoản **NỢ** của **KA**

Thanh toán từ tài khoản ở một NH Mỹ → xuất khẩu dịch vụ → ghi vào khoản **CÓ** của **CA**

c. Một người Mỹ mua xe ô tô của Đức và thanh toán từ tài khoản của anh ta ở một ngân hàng Mỹ.

Mua xe ô tô của Đức → Nhập khẩu hàng hóa → ghi vào khoản **NỢ** của **CA**

Thanh toán từ tài khoản ở một NH Mỹ → ghi vào khoản **CÓ** của **CA**

BÀI TẬP

2. Giao dịch nào trong số những giao dịch sau đây làm tăng thặng dư cán cân tài khoản vãng lai của Việt Nam?

- a. Hãng hàng không "Vietnam Air Line" ký hợp đồng hàng đổi hàng với Mỹ: đổi một chiếc máy bay TU cũ trị giá 500.000 USD lấy 1 chuyến du lịch trọn gói cho nhân viên của mình ở Ha Oai.**
- b. Việt Nam vay tiền của Cô-oét để mua dầu của nước này trong vòng 1 năm với trị giá 1.000.000 USD.**
- c. Việt Nam cho Lào vay 1.000.000 USD để nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ từ Việt Nam trong vòng 1 năm.**

cuu duong than cong. com

BÀI TẬP 2

a. Hãng hàng không "Vietnam Air Line" ký hợp đồng hàng đổi hàng với Mỹ: đổi một chiếc máy bay TU cũ trị giá 500.000 USD lấy 1 chuyến du lịch trọn gói cho nhân viên của mình ở Ha Oai.

VN đổi máy bay với Mỹ → VN xk máy bay → ghi vào khoản CỐ của CA → CA tăng
VN đi du lịch → nk dịch vụ từ Mỹ → ghi vào khoản NỢ của CA → CA giảm
→ CA không thay đổi

b. Việt Nam vay tiền của Cô-oét để mua dầu của nước này trong vòng 1 năm với trị giá 1.000.000 USD.

VN vay tiền của Cô-oét → dòng vốn chảy vào → ghi vào khoản CỐ của KA
VN nhập khẩu dầu → ghi vào khoản NỢ của CA → CA giảm
→ CA bị thâm hụt

c. Việt Nam cho Lào vay 1.000.000 USD để nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ từ Việt Nam trong vòng 1 năm.

VN cho Lào vay → dòng vốn chảy ra → ghi vào khoản NỢ của KA
VN xuất khẩu hàng hóa cho Lào → ghi vào khoản CỐ của CA → CA tăng
→ CA thặng dư

BÀI TẬP

3. Cán cân thương mại của nước A (triệu USD) đạt mức âm 110, tài khoản vãng lai: âm 105. Mức gia tăng của dự trữ ngoại tệ chính thức là âm 5. Kết luận nào trong số những kết luận sau đây là không đúng:

- a. Cán cân quyết toán chính thức bằng 5**
- b. Dịch vụ, thu nhập từ đầu tư ròng và dịch chuyển đơn phương ròng có giá trị dương.**
- c. Vốn đã chảy vào nước A**
- d. Ở nước A tiết kiệm quốc dân lớn hơn đầu tư.**

BÀI TẬP 3

Cán cân TM của nước A (triệu USD) = - 110, CA = - 105. Mức gia tăng của dự trữ ngoại tệ chính thức là âm 5.

Cán cân quyết toán chính thức = 5 → a đúng

Dịch vụ, thu nhập từ đầu tư ròng và dịch chuyển đơn phương ròng
= CA – cán cân TM = -105 – (-110) = 5 → b đúng

Cán cân quyết toán chính thức = 5 = CA + KA + sai số...
CA = - 105 < 0 → KA > 0 → dòng vốn chảy vào → c đúng

S = I + CA; CA < 0 → S < I → d sai

BÀI TẬP

5. Dựa trên những thông tin sau về cán cân thanh toán ở nước A (tỷ USD):

Hãy tính:

- a. Cán cân thương mại hữu hình
- b. Cán cân tài khoản vãng lai
- c. Cán cân tài khoản vốn
- d. Cán cân quyết toán chính thức

Xuất khẩu hàng hoá	+ 80
Nhập khẩu hàng hoá	- 60
Xuất khẩu dịch vụ	+ 30
Nhập khẩu dịch vụ	- 20
Thu nhập từ đầu tư ròng	- 10
Dịch chuyển đơn phương ròng	+ 20
Vốn chảy vào	+ 20
Vốn chảy ra	- 80
Dự trữ chính thức	+ 20

BÀI TẬP

5. Dựa trên những thông tin sau về cán cân thanh toán ở nước A (tỷ USD):

- a. Cán cân thương mại hữu hình: + 20
- b. Cán cân tài khoản vãng lai: + 40
- c. Cán cân tài khoản vốn: - 60
- d. Cán cân quyết toán chính thức: - 20

Xuất khẩu hàng hoá	+ 80
Nhập khẩu hàng hoá	- 60
Xuất khẩu dịch vụ	+ 30
Nhập khẩu dịch vụ	- 20
Thu nhập từ đầu tư ròng	- 10
Dịch chuyển đơn phương ròng	+ 20
Vốn chảy vào	+ 20
Vốn chảy ra	- 80
Dự trữ chính thức	+ 20

